

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 24-8-2020.
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tôn Phước Thuận.
2. Ông Đặng Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thi, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 147/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 324/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1990; hộ khẩu thường trú: số 512, ấp NL, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang; tạm trú: ấp AQ, xã ATT, huyện CM, tỉnh An Giang; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn S, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp NL, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ T trình bày: Chị và anh S quen biết và kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau do tánh tình không phù hợp, anh S không quan tâm đến gia đình, nên vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Kim C – sinh ngày 21 tháng 12 năm 2012 hiện đang sống với chị. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: không có.

Bị đơn anh Trần Văn S được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh S vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết: Về hôn nhân: chị T và anh S kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không chia sẻ được với nhau và ly thân từ năm 2016. Nay, chị T yêu cầu ly hôn với anh S, anh S không có ý kiến phản hồi và không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị T xin ly hôn. Về con chung: chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Thị Kim C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xem xét: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T xin ly hôn anh S. Về con chung chị T được tiếp tục nuôi con chung, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Chị Trần Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn S có nơi cư trú tại xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trần Văn S được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh S sau thời gian tìm hiểu và tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo chị T trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng thường hay phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh S có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình, đến năm 2016 thì không còn chung sống đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, chị T yêu cầu ly hôn với anh S. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc chị T yêu cầu ly hôn và triệu tập anh S tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng anh S vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh S đã diễn ra trong thời gian dài, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường cãi nhau, anh S không quan tâm đến gia đình nên mâu thuẫn vợ chồng càng nhiều hơn và không còn chung sống từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng nên mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Kim C, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2012 hiện đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng anh S không có ý kiến phản đối. Nguyên vọng cháu C mong muốn được sống với chị T khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy nghĩ nên giao cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về quan hệ tài sản chung*: Chị T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5]. *Về quan hệ nợ chung*: Chị T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6]. *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: các Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Mỹ T xin ly hôn với anh Trần Văn S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 18 tháng 9 năm 2013 do Ủy ban nhân dân xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về quan hệ con chung: chị Trần Thị Mỹ T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Kim C, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2012. Anh Trần Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Mỹ T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Ghi nhận việc chị Trần Thị Mỹ T xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì chị T anh S phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Mỹ T chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008021 ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà T đã nộp đủ.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- VKSND H. Chợ Mới;
- UBND xã Nhơn Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình